

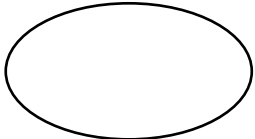
Bảng đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn Công nghệ 7- Năm học: 2025-2026

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	1. Mở đầu về chăn nuôi	1.1. Vai trò triển vọng của chăn nuôi	Nhận biết - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt Nam.	2		
		1.2 Các loại vật nuôi đặc trưng ở nước ta	Nhận biết - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...). - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm...). Thông hiểu So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.	1	1	
		1.3 Phương thức chăn nuôi	Nhận biết - Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. Thông hiểu - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. Vận dụng cao Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương.		2	
		1.4 Một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. Thông hiểu: Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.	1		

		1.5 Một số biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	Vận dụng Vận dụng kiến thức, xác định được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.			1
2	2. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng trị bệnh cho vật nuôi	2.1 Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi	Nhận biết - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. Thông hiểu - Trình bày được kỹ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. - So sánh được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. Vận dụng Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương.	1	3	1
		2.2 Phòng, trị bệnh cho vật nuôi	Nhận biết - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. - Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. Thông hiểu - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. - Trình bày được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. - Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. Vận dụng - Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương.	2	1 2	
Tổng				7	9	2

MÔN: CÔNG NGHỆ, LỚP: 7, THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

[illegible]

TRƯỜNG THCS QUÊ THUẬN Họ và tên: Lớp: 7/	KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026 MÔN: CÔNG NGHỆ - Lớp: 7 Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)
Điểm: 	Lời phê:

ĐỀ BÀI

A. Trắc nghiệm (5 điểm) Em hãy chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào phần bài làm.

Câu 1. Từ chất thải vật nuôi, người ta thường có thể sản xuất ra sản phẩm nào sau đây?

- A. Khí sinh học (biogas). B. Nguyên liệu cho ngành dệt may.
 C. Vật liệu xây dựng. D. Thức ăn chăn nuôi.

Câu 2. Vai trò chăn nuôi nào sau đây là sai?

- A. Cung cấp sức kéo cho sản xuất.
 B. Cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến thịt hộp.
 C. Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường.
 D. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

Câu 3. Vật nuôi không được nuôi nhiều ở nước ta là

- A. gà. B. cừu. C. vịt. D. bò.

Câu 4. Đặc điểm của bò vàng Việt Nam là

- A. lông, da màu đen xám, tai mọc ngang.
 B. lông loang trắng đen, cho sản lượng sữa cao.
 C. lông vàng hoặc nâu, vai u.
 D. lông màu vàng và mịn, da mỏng.

Câu 5. Điều không phải là ưu điểm của chăn nuôi trang trại?

- A. Đầu tư lớn về chuồng trại. B. Năng suất cao
 C. Ít dịch bệnh. D. Có biện pháp xử lý chất thải tốt.

Câu 6. Nhược điểm của chăn nuôi nông hộ là

- A. số lượng vật nuôi lớn. B. chi phí đầu tư cao.
 C. chi phí đầu tư thấp. D. biện pháp xử lý chất thải chưa tốt.

Câu 7. Điều không phải là nhiệm vụ của kỹ sư chăn nuôi?

- A. Chế biến thức ăn cho vật nuôi. B. Nhân giống vật nuôi
 C. Chọn giống vật nuôi. D. Chữa bệnh cho vật nuôi.

Câu 8. Gia súc cái sinh sản trải qua những giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con.
 B. Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con.
 C. Giai đoạn hậu bị → Giai đoạn đẻ và nuôi con.
 D. Giai đoạn mang thai → Giai đoạn đẻ và nuôi con → Giai đoạn hậu bị.

Câu 9. Trong các cách cho đực giống ăn sau đây, cách nào là đúng?

- A. Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.
 B. Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.
 C. Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.
 D. Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

Câu 10. Điều nào là phát biểu không đúng về biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

- A. Cho con non bú sữa đầu của mẹ càng sớm càng tốt.
- B. Giữ ấm cho vật nuôi, chăm sóc chu đáo.
- C. Tắm chải thường xuyên.
- D. Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng sớm.

Câu 11. Có mấy nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 12. Bệnh nào dưới đây do môi trường sống không thuận lợi gây ra?

- A. Bệnh giun, sán. B. Bệnh gà rù. C. Bệnh cảm lạnh. D. Bệnh ve, rận.

Câu 13. Vệ sinh trong chăn nuôi không có tác dụng?

- A. Phòng ngừa dịch bệnh và bảo vệ sức khỏe vật nuôi.
- B. Nâng cao năng suất chăn nuôi.
- C. Bảo vệ môi trường.
- D. Tiết kiệm thức ăn chăn nuôi.

Câu 14. Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, người chăn nuôi cần làm gì?

- A. Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm.
- B. Bán ngay khi có thể.
- C. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời.
- D. Tự mua thuốc về điều trị.

Câu 15. Để phòng bệnh cho vật nuôi không nên

- A. tiêm vaccxine.
- B. cho vật nuôi uống thuốc dù không bị bệnh.
- C. cho ăn đầy đủ chất dinh dưỡng.
- D. vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

B. Tự luận (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Em hãy nêu vai trò của việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi?

Câu 2. (2,0 điểm) Em hãy nêu ít nhất bốn biện pháp nên và bốn việc không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

Câu 3. (1,0 điểm) Vì sao cần cho vật nuôi non uống sữa đầu của mẹ ngay?

HẾT

Lưu ý: Học sinh khuyết tật không cần làm câu 2 và 3 phần B. Tự luận.

A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): Mỗi câu 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	A	C	B	D	A	D	D	A	A	C	B	C	D	C	B

B. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1 (2 điểm)	- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi. - Gồm các công việc: + Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết... + Cần quan tâm đến các yếu tố: thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng,... => Giúp vật nuôi khỏe mạnh lớn nhanh, ít bị bệnh, đạt hiệu quả về năng suất, chất lượng trong chăn nuôi.	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 2 (2 điểm)	* Biện pháp nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là: - Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ. - Thu gom chất thải triệt để và sớm nhất có thể. - Thu phân để ủ làm phân bón hữu cơ - Xây hầm biogas để xử lý chất thải cho trại chăn nuôi * Biện pháp không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi là: - Thả rông vật nuôi, cho vật nuôi đi vệ sinh bừa bãi. - Nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn hay quá gần nơi ở. - Xả thẳng chất thải chăn nuôi ra ao, hồ, sông, suối, ... - Vứt xác vật nuôi chết xuống ao, hồ, sông, suối, HS khuyết tật chỉ cần nêu được 4 ý.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 3 (1 điểm)	- Vì sữa đầu của mẹ chứa nhiều chất dinh dưỡng và kháng thể.	1,0

TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2025 – 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 7

DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

A. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): Mỗi câu 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	A	C	B	D	A	D	D	A	A	C	B	C	D	C	B

B. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi. - Gồm các công việc: + Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết...1,0 + Cần quan tâm đến các yếu tố: thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng,...1,0 => Giúp vật nuôi khỏe mạnh lớn nhanh, ít bị bệnh, đạt hiệu quả về năng suất, chất lượng trong chăn nuôi.2,0	